TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HS-ST
Ngày 18-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Biên

Ông Vũ Văn Hóa

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chính -Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Cường -Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2020/TLST- HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Vũ Hữu M, sinh năm 1982 tại Hải Phòng. Nơi ĐKHKTT: Tổ T2, phường Q, quận K, Hải Phòng; nơi tạm trú: Tổ K6, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hữu T (đã chết) và bà Đoàn Thị M; có vợ là Phạm Thị Ng và 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Tại bản án số 13/2019/HSST ngày 04/7/2019 Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; bị tạm giữ ngày 26/6/2019, chuyển tạm giam ngày 05/7/2019 tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bùi Đức T, sinh năm 1978 tại Hải Phòng. Nơi ĐKHKTT: T13, phường B, quận K, Hải Phòng; nơi tạm trú: T9, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 2/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức P (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Bùi Thị H và có 01 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Tại bản án số 61/2012/HSST ngày 18/10/2012 Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); bị tạm giữ ngày 26/6/2019, chuyển tạm giam ngày 05/7/2019 tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng; có mặt.

3. Vũ Khắc K, sinh năm 1978 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ T3, phường Q, quận K, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Khắc C (đã chết) và bà Bùi Thị T; có vợ là Đào Thị Ng và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 83/2015/HSST ngày 18/8/2015 Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng xử phạt 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; bản án số 160/2019/HS-ST ngày 25/10/2019 Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; nhân thân: Bản án số 25/HS-ST ngày 08/4/2002 Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); bản án số 33/HS-ST ngày 13/6/2003 Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (đã được xóa án tích); bản án số 79/2005/HS-ST ngày 22/11/2005 Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); bản án số 13/2008/HSST ngày 22/02/2008 Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xử phạt 33 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 25/6/2019, chuyển tạm giam ngày 27/6/2019 tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15-01-2020; có mặt.

4. Đặng Văn T, sinh năm 1981tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ T3, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn V (đã chết) và bà Bùi Thị T; có vợ là Nguyễn Thị N (đã ly hôn), có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2016 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (đã được xóa tiền sự); bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 13/11/2019; có mặt.

5. Lâm Văn H, sinh năm 1986 tại Hải Phòng. Nơi ĐKHKTT: Tổ N2, phường V, quận K, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Ngọc T (đã chết) và bà Lê Thị S; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/11/2011 bị Công an phường V, quận K, thành phố Hải Phòng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (đã được xóa tiền sự); ngày 26/5/2015 bị Công an phường T, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ (đã được xóa tiền sự); bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 13/11/2019; có mặt.

Bị hại:

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972, nơi cư trú: Số 408B2, chung cư B, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1981; nơi cư trú: T13, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974; nơi cư trú: T13, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Anh Trần Văn H, sinh năm 1994; nơi cư trú: Số 5/263 L, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Đỗ Hoàng T; ông Phạm Văn B, anh Trịnh Văn T, anh Nghiêm Văn T, chị Đồng Thị Đ; đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/3/2019, anh Nguyễn Văn T cư trú tại số 408B2, chung cư B, quận K, Hải Phòng trình báo về việc: Khoảng 02 giờ ngày 28/3/2019, tại khu vực sân phía sau cửa hàng tạp hóa thuộc chung cư C, Bắc Sơn, K, Hải Phòng, anh T bị mất trộm 01 xe mô tô Honda Air Blade màu đen bạc BKS 16P7-6249.

Ngày 12/6/2019, chị Nguyễn Thị A cư trú tại Khu tập thể tiểu đoàn 16, phường B, K, Hải Phòng trình báo về việc: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 12/6/2019, tại khu tập thể Tiểu đoàn 16, phường B, K, Hải Phòng , gia đình chị bị mất trộm 01 xe mô tô Nouvo LX màu nâu BKS 16P7-1247 và 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu xanh đen BKS 15D1-140.50 cùng các giấy tờ gồm: 01 đăng ký xe Nouvo LX BKS 16P7-1247 mang tên Lê Thị X, 01 bằng lái mang tên Nguyễn Văn H và 02 giấy ra vào cổng quân khu 3 mang tên Nguyễn Văn H trong cốp xe Nouvo LX; 01 đăng ký xe Sirius BKS 15D1-140.50 mang tên Hoàng Văn H và 01 bằng lái mang tên Nguyễn Thị A trong cốp xe Sirius.

Ngày 26/6/2019, Cơ quan CSĐT Công an quận K tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Vũ Hữu M tại Tổ K6, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng thu giữ: 01 giấy vay tiền và hợp đồng ký gửi của Phạm Văn B với cửa hàng xe máy S với giá trị 5.000.000 đồng; 02 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị A; 02 giấy ra vào cơ quan Quân khu 3 mang tên Nguyễn Văn H. Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an quận K ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Vũ Hữu M và Bùi Đức T.

Tại Cơ quan điều tra, qua đấu tranh xét hỏi đối với Vũ Hữu M và Bùi Đức T, cả hai đã khai nhận toàn bộ hành vi cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 28/3/2019, tại cửa hàng tạp hóa của anh Nguyễn Văn T ở số 408B2, Chung cư B, quận K, Hải Phòng. Vũ Hữu M và Bùi Đức T đi bộ đến khu vực sân phía sau cửa hàng tạp hóa của anh Nguyễn Văn T, phát hiện 01 xe mô tô Honda Air Blade màu đen BKS 16P7-6249, bánh sau xe có khóa chữ U kim loại, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. M và T đã lén lút vào khênh, dắt chiếc xe mô tô, đi ra đường T, K, Hải Phòng thì gặp Đỗ Hoàng T, Lâm Văn H và một nam thanh niên tên P (chưa xác định được nhân thân, lai lịch). T, H, P đã hỗ trợ M và T đẩy chiếc xe mô tô trộm cắp được vào trong ngõ 111 T, K, Hải Phòng để cất giấu. Sau đó, P, T bỏ đi; còn H cùng M, T thuê xích lô chở xe mô tô trộm cắp được đến nhà trọ của Đặng Văn T ở tổ M, phường Đ, quận K, Hải Phòng. Tại đây, M nói với T xe mô tô Airbalde do M và T trộm cắp được và nhờ T phá khóa xe. T lấy cưa sắt, 03 người thay nhau cưa đứt

chiếc khóa, phá khóa và khởi động máy xe. Sau đó, M, T, T, H điều khiển xe mô tô trộm cắp được đến quán bắn cá số 839 T, Q, K, Hải Phòng và cầm cố xe cho anh Nguyễn Kim H; trú tại tổ 14 L, K, Hải Phòng được 4.700.000 đồng, chơi điện tử hết.

Khoảng 05 ngày sau, do không thấy M quay lại lấy xe nên anh H đã nhờ Trịnh Văn T (Sinh năm 1980; địa chỉ: Khu B1, C, H, Hải Phòng) bán xe cho 01 người không quen biết qua mạng xã hội với giá 5.000.000 đồng. Hiện tại chưa thu hồi được xe mô tô.

Kết luận định giá tài sản số 09/KL-ĐG ngày 06/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Kiến An kết luận: 01 chiếc xe mô tô đã qua sử dụng nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, màu sơn đen bạc, số máy F27E-0399478; số khung 805AY-351616 tại thời điểm ngày 28/3/2019 có giá trị là 20.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 12/6/2019, Vũ Hữu M và Bùi Đức T đi vào trong sân khu tập thể tiểu đoàn 16 thuộc tổ 13, B, K, Hải Phòng, phát hiện 01 xe mô tô Nouvo LX màu cà phê BKS 16P7-1247 của vợ chồng chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn H, có cắm chìa khóa xe ở ổ khóa, dựng cạnh 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu xanh đen BKS: 15D1-140.50 không có người trông coi nên M và T dắt 02 xe mô tô đi ra ngoài. Sau đó, M điều khiển xe Nouvo LX đẩy xe Sirius do T điều khiển vào khu vực Hồ Bơi, K, Hải Phòng để phá khóa, khởi động máy xe Sirius. Chiều ngày 13/6/2019, M nhờ anh Phạm Văn B; trú tại xóm 4, thôn N, xã T, huyện A, Hải Phòng cầm cố xe mô tô Nouvo LX BKS 16P7-1247 kèm theo giấy đăng ký xe tại cửa hàng xe máyS, số 850 T, T, A, Hải Phòng cho anh Đặng Văn T được 5.000.000 đồng, có ghi giấy cầm cố. Sau đó, M bán xe Sirius cho anh Nghiêm Văn T trú tại 366 Hoàng Minh H, N, L, Hải Phòng ở quán game bắn cá số 220 Bến xe M, K, Hải Phòng được 13.000.000 đồng. Trong số tiền thu được từ cầm cố và bán xe, M cho anh B vay 1.000.000 đồng, cho T 500.000 đồng, còn lại M tiêu xài hết.

Ngày 26/6/2019, Cơ quan CSĐT Công an quận K tạm giữ 01 xe mô tô Yamaha Nouvo LX màu bạc nâu BKS 16P7-1247, 01 đăng ký xe mang tên Lê Thị X và 01chìa khóa điện của xe, do anh Đặng Văn T giao nộp.

Ngày 27/6/2019, Cơ quan CSĐT Công an quận K tạm giữ 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu xanh đen BKS 15D1-140.50, 01 đăng ký xe mang tên Hoàng Văn H và 01chìa khóa điện của xe, do anh Nghiêm Văn T giao nộp.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 17/KL-ĐG ngày 02/7/2019 kết luận: 01 xe mô tô đã qua sử dụng nhãn hiệu Nouvo BKS 16P7-1247, màu sơn bạc nâu trị giá 6.000.000 đồng và 01 xe mô tô đã qua sử dụng nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 15D1-140.50, màu sơn xanh đen, tại thời điểm ngày 12/6/2019 trị giá 10.000.000 đồng, tổng giá trị là 16.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Vũ Hữu M khai nhận: Ngoài việc thực hiện hai vụ trộm cắp nêu trên, Vũ Hữu M cùng với Vũ Khắc K còn thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản khác như sau:

Vụ thứ ba: Vào khoảng đêm ngày 05/6 rạng sáng ngày 06/6/2019, Vũ Hữu M và Vũ Khắc K đi 01 xe đạp đến khu vực nhà trọ ở số 5/263 L, B, K, Hải Phòng, phát hiện 01 xe mô tô Honda Wave RSX màu đỏ đen BKS: 16R4-1985 của anh Trần Văn H dựng trong sân khu nhà trọ, không có người trông coi. M và K đi vào trong sân nhà trọ, kiểm tra thấy xe mô tô có khóa cổ nên cả hai khiêng xe ra ngoài (M cầm 02 tay lái, K nhấc bánh trước của xe). Sau đó, M và K cùng phá khóa, khởi động xe. Kiên điều khiển xe trộm cắp được chở M đến quán điện tử số 264 đường N, K, Hải Phòng, cầm cố xe mô tô trộm cắp được cho anh Vũ Văn T (Sinh năm 1990; Địa chỉ: T, K, Hải Phòng) được 3.000.000 đồng, chơi điện tử hết.

Ngày 26/6/2019, anh Vũ Văn T giao nộp 01 xe mô tô Honda Wave RSX màu đỏ đen BKS 36D1-223.55 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K.

Tại bản Kết luận giám định số 523 ngày 26/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự CATP Hải Phòng và Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thể hiện: 01 xe mô tô Honda Wave RSX màu đỏ đen BKS 36D1-223.55 có số máy: JC43E – 5924457, số khung: RLHJC4321BY02117 là số nguyên thủy, không có sự tẩy xóa trùng khớp với 01 xe mô tô Honda Wave RSX màu đỏ đen BKS 16R4-1985.

Tại bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Kiến An kết luận: 01 chiếc xe mô tô đã qua sử dụng nhãn hiệu HONDA Wave RSX BKS: 16R4-1985 tại thời điểm bị trộm cắp có giá 7.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 03-01-2020 của Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Vũ Hữu M, Bùi Đức T, Vũ Khắc K về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, truy tố các bị cáo Đặng Văn T, Lâm Văn H về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Vũ Hữu M, Bùi Đức T đều khai nhận đã cùng nhau trực tiếp thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản vào các ngày 28/3/2019 và ngày 12/6/2019 tại địa bàn phường B quận K như nội dung cáo trạng đã nêu. Bị cáo Vũ Hữu M còn cùng với bị cáo Vũ Khắc K tham gia trộm cắp tài sản vào ngày 06/6/2019 tại địa chỉ số 5/263 L phường B, quận K. Bị cáo Vũ Khắc K thừa nhận đã cùng bị cáo Vũ Hữu M tham gia trộm cắp tài sản tại như bị cáo M đã khai tại phiên tòa. Các bị cáo Lâm Văn H và Đặng Văn T đều khai nhận cả hai đều biết rõ chiếc xe mô tô Airbalde là tài sản do các bị cáo M, T trộm cắp được và đã cùng các bị cáo M, T phá khóa và đem xe đi cầm cố lấy tiền, bị cáo T được bị cáo M cho 200.000 đồng, bị cáo H được bị cáo M cho vay 200.000 đồng để chơi game.

Bị hại anh Nguyễn Văn T không có ý kiến gì về lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, anh T đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo M, T phải bồi thường cho anh số tiền 20.000.000 đồng trị giá chiếc xe mô tô các bị cáo chiếm đoạt, về phần hình phạt đề nghị xử theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử công bố lời khai bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có liên quan, các bị cáo đều không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đánh

giá nhân thân, hoàn cảnh gia đình, công việc và thu nhập của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Hữu M từ 30 đến 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 04-7-2019 của Tòa án nhân dân quận K, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 42 đến 48 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 26-6-2019, được trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 21-01/2019 đến ngày 24-01-2019). Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Đức T từ 24 đến 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 26-6-2019. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Khắc K từ 18 đến 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy tại bản án hình sự sơ thẩm số 160/2019/HSST ngày 25-10-2019 của Tòa án nhân dân quận L, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 48 đến 54 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ 06 tháng 20 ngày đã bị tạm giữ, tạm giam (từ 25-6-2019 đến ngày 15-01-2020). Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 06 đến 12 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lâm Văn H từ 06 đến 12 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo Vũ Hữu M và Bùi Đức T phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 20.000.000 đồng chia kỷ phần cụ thể mỗi bị cáo 10.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính để nộp vào ngân sách nhà nước.

Vũ Hữu M 19.000.000 đồng, Bùi Đức T 500.000 đồng, Vũ Khắc K 1.500.000 đồng, Đặng Văn T 200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tư cách tham gia tố tụng, anh Nguyễn Kim H, anh Đặng Văn T, anh Nghiêm Minh T và anh Vũ Văn T là người có quyền lợi liên quan nhưng trong giai đoạn điều tra các anh H, T, T và anh T đều có đơn không yêu cầu các bị cáo phải bồi hoàn số tiền đã bỏ ra mua và cầm cố xe mô tô của các bị cáo và tại thời điểm xét xử không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không đưa anh Nguyễn Kim H, Đặng Văn T, Nghiêm Minh T và anh Vũ Văn T vào tham gia tố tụng trong vụ án.

- Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt:

[3] Hội đồng xét xử xét thấy lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng, phù hợp với sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản nhận dạng, biên bản đối chất kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án; đã có đủ căn cứ xác định các bị cáo Vũ Hữu M, Bùi Đức T, Vũ Khắc K, Đặng Văn T và Lâm Văn H đã thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 28/3/2019, tại cửa hàng tạp hóa của anh Nguyễn Văn T (Sinh năm 1972; địa chỉ: Số 408B2, Chung cư B, quận K, Hải Phòng). Vũ Hữu M và Bùi Đức T đã có hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản là anh Nguyễn Văn T, chiếm đoạt 01 xe mô tô Honda Air Blade màu đen BKS 16P7-6249 trị giá 20.000.000 đồng. Sau khi trộm cắp được, các bị cáo Vũ Hữu M, Bùi Đức T, Lâm Văn H và một đối tượng tên P (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) thuê xích lô chở xe trộm cắp được đến nhà Đặng Văn T cùng nhau phá khóa sau đó bị cáo M, T, Th và bị cáo H đem cầm cố chiếc xe cho anh Nguyễn Kim H, sinh năm 1982, cư trú tại: Tổ 14, phường L, quận K, Hải Phòng được 4.700.000 đồng và cùng sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 12/6/2019, Vũ Hữu M và Bùi Đức T lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản đã chiếm đoạt 01 xe mô tô Nouvo LX màu cà phê BKS 16P7-1247 trị giá 6.000.000 đồng và 01 xe Sirius BKS 15D1-140.50 trị giá 10.000.000 đồng của vợ chồng chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1981 và anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974, cùng cư trú tại: T13, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng. Sau khi trộm cắp được, bị cáo Vũ Hữu M đã đem cầm cố chiếc xe Nouvo LX lấy số tiền 5.000.000 đồng và bán chiếc xe Sirius lấy số tiền 13.000.000 đồng. Bị cáo M cho bị cáo T 500.000 đồng, cho anh Phạm Văn B vay 1.000.000 đồng còn lại bị cáo M tiêu xài hết.

Vụ thứ ba: Vào khoảng đêm ngày 05/6 rạng sáng ngày 06/6/2019, tại số 5/263 L, phường B, K, Hải Phòng, Vũ Hữu M và Vũ Khắc K lợi dụng đêm tối lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô Honda Wave RSX màu đỏ đen BKS: 16R4-1985 trị giá 7.000.000 đồng của anh Trần Văn H. Sau khi trộm cắp được, bị cáo Vũ Hữu M và bị cáo Vũ Khắc K đã cầm cố chiếc xe được số tiền 3.000.000 đồng. Số tiền này các bị cáo M, K đã chia nhau sử dụng vào mục đích cá nhân hết. Như vậy hành vi của các bị cáo Vũ Hữu M, Bùi Đức T, Vũ Khắc K đã phạm tội Trộm cắp tài sản vi

phạm Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đặng Văn T, Lâm Văn H đã phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có vi phạm Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[4] Bị cáo Vũ Hữu M tham gia trộm cắp 03 vụ tổng trị giá tài sản chiếm đoạt 43.000.000 đồng, bị cáo Bùi Đức T tham gia trộm cắp 02 vụ tổng trị giá tài sản chiếm đoạt 36.000.000 đồng, bị cáo Vũ Khắc K tham gia trộm cắp 01vụ trị giá tài sản chiếm đoạt 7.000.000 đồng nên hành vi của các bị cáo Vũ Hữu M, Bùi Đức T, Vũ Khắc K vi phạm khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Đặng Văn T và bị cáo Lâm Văn H tiêu thụ tài sản trị giá 20.000.000 đồng nên hành vi của các bị cáo Đặng Văn T và Lâm Văn H đã vi phạm khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nguyên nhân phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[5] Tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu ở địa phương; các bị cáo đều có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện ma túy. Do vậy phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[6] Về nguyên nhân phạm tội là do các bị cáo ham chơi, lười lao động, nghiện ma túy nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền phục vụ mục đích cá nhân.

[7] Vụ án có đồng phạm, Hội đồng xét xử phân hóa vai trò các bị cáo như sau: Đối với tội Trộm cắp tài sản, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và cùng nhau đem bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo Vũ Hữu M tham gia 03 vụ, bị cáo Bùi Đức T tham gia 02 vụ do vậy hình phạt của bị cáo M là cao hơn hình phạt của bị cáo T. Đối với bị cáo Vũ Khắc K tham gia 01 vụ do vậy hình phạt của bị cáo K là thấp nhất trong vụ án. Đối với tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, bị cáo Đặng Văn T là người trực tiếp dùng dụng cụ cắt khóa xe mô tô khi các bị cáo chở đến nhà T sau khi cắt được khóa bị cáo T và bị cáo Lâm Văn H đã cùng bị cáo M và bị cáo T mang tài sản trộm cắp được đi cầm cố và lấy tiền tiêu xài chung, vì vậy vai trò của bị cáo T cao hơn bị cáo H.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong thời gian ngắn bị cáo Vũ Hữu M thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, bị cáo Bùi Đức T thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, giá trị tài sản chiếm đoạt mỗi vụ đều trên 2.000.000 đồng nên các bị cáo M, T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Khắc K đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp "tái phạm" theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự, do vậy bị cáo K phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo T, H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo T, Hoàng

được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về các vấn đề khác:

[10] Về tổng hợp hình phạt: Tại bản án số 13/2019/HSST ngày 04/7/2019 Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải phòng xử phạt bị cáo Vũ Hữu M 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị cáo chưa thi hành do vậy sau khi quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử sẽ tổng hợp với hình phạt của bản án nêu trên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy đinh tại Điều 56 và Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tại bản án số 160/2019/HSST ngày 25/10/2019 Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải phòng xử phạt bị cáo Vũ Khắc K 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị cáo chưa thi hành do vậy sau khi quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử sẽ tổng hợp với hình phạt của bản án nêu trên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định tại Điều 56 và Điều 55 Bộ luật Hình sự.

[11] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh của các bị cáo khó khăn, không có công việc ổn định, không có thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[12] Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã chứng minh 01 xe mô tô nhãn hiệu Nouvo BKS 16P7-1247, màu sơn bạc nâu và 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu sơn xanh đen BKS 15D1-140.50 và các giấy tờ trong cốp xe là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Thị A, anh Nguyễn Văn H; 01 xe Wave RSX màu đỏ đen số máy: JC43E – 5924457, số khung: RLHJC4321BY02117 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Trần Văn H nên đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản cho anh Hùng chị A, trả lại anh anh Trần Văn H 01 biển kiểm soát xe mô tô 36D1-223.55, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để điều tra, xác minh làm rõ, xử lý sau. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen bạc BKS: 16P7-6249 của anh Nguyễn Văn T, Cơ quan điều tra đã ra Thông báo truy tìm vật chứng ngày 23/4/2019 nhưng chưa thu hồi được.

[13] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là chị Nguyễn Thị A, anh Nguyễn Văn H, anh Trần Văn H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

Anh Nguyễn Văn T yêu cầu các bị cáo Vũ Hữu M, Bùi Đức T, liên đới bồi thường cho anh 20.000.000 đồng trị giá chiếc xe Honda Air Blade BKS 16P7-6249 mà các bị cáo M, T chiếm đoạt. Xét yêu cầu nêu trên của anh Nguyễn Văn T là chính đáng và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận buộc các bị cáo M, T phải bồi thường đầy đủ. Do số tiền này các bị cáo tiêu xài chung nên các bị cáo Vũ Hữu M, Bùi Đức T phải liên đới bồi thường theo kỷ phần ngang nhau.

[14] Đối với hành vi của các anh Nguyễn Kim H, Đặng Văn T, Nghiêm Văn T, Vũ Văn T và anh Nguyễn Văn B khi mua và nhận cầm cố không biết tài sản của các bị cáo là do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K không xử lý về hình sự là có căn cứ.

[15] Bị cáo Vũ Hữu M được hưởng lợi 19.000.000đồng, bị cáo Bùi Đức T được hưởng lợi 500.000 đồng, bị cáo Vũ Khắc K được hưởng lợi 1.500.000 đồng, bị cáo Đặng Văn T được hưởng lợi 200.000 đồng, đây là khoản tiền thu lợi bất chính do hành vi phạm tội mà có nên buộc các bị cáo phải nộp lại để sung vào Ngân sách Nhà nước. Bị cáo H được bị cáo M cho vay 200.000 đồng để chơi game đây là quan hệ dân sự giữa bị cáo M và bị cáo H không phải là tiền bị cáo H hưởng lợi do phạm tội mà có mà không phải nộp lại.

[16] Đối với Đỗ Hoàng T và nam thanh niên tên P chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra chưa triệu tập được T và P để làm rõ hành vi và ý thức chủ quan của 02 đối tượng nên Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với hành vi bị cáo Đặng Văn T khai nhận cùng Vũ Hữu M trộm cắp 01 cây hồng tại khu vực C, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, với những tài liệu có trong hồ sơ chưa đủ cơ sở khởi tố và xử lý theo quy định của pháp luật nên Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ.

[17] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo M và bị cáo Thăng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[18] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Vũ Hữu M 30 (ba mươi) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù tại Bản án số 13/2019/HS-ST ngày 04-7-2019 của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26-6-2019, được trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 21-01/2019 đến ngày 24-01-2019)

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Bùi Đức T 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26-6-2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Vũ Khắc K 18 (mười tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt 30 tháng tù tại Bản án số 160/2019/HS-ST ngày 25-10-2019 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 48 (bốn mươi tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ 06 tháng 20 ngày đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 25-6-2019 đến ngày 15-01-2020).

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Đặng Văn T 12 (mười hai) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lâm Văn H 06 (sáu) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo Vũ Hữu M và Bùi Đức T phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu) đồng, chia kỷ phần cụ thể mỗi bị cáo 10.000.000đồng (mười triệu) đồng.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính để nộp vào ngân sách nhà nước. Bị cáo Vũ Hữu M 19.000.000đồng (mười chín triệu) đồng, Vũ Khắc K 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn) đồng, bị cáo Bùi Đức T 500.000đồng (năm trăm nghìn) đồng, bị cáo Đặng Văn T 200.000đồng (hai trăm nghìn) đồng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 135 và khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Vũ Hữu M và bị cáo Bùi Đức T mỗi bị cáo phải nộp 5.00.000đồng (năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường thì hàng tháng bị cáo M, bị cáo T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1, Điều 468, Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND quận K;
- Cơ quan Thi hành án hình sự quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- Sở Tư pháp Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (Phòng PC10; PV27)
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lưu Văn Tỉnh